

Số: 533 /CSĐP - KTTV

Ngày 09 tháng 07 năm 2024

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh  
riêng quý II -2024

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG  
(QUÝ II - 2024)

STT	CHỈ TIÊU	Mã	TM	QUÝ II/2023	QUÝ II/2024	CHÊNH LỆCH	%
		số					
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	68.372.379.431	150.691.116.988	82.318.737.557	220,40
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10		-		-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 10 - 01 )	11		68.372.379.431	150.691.116.988	82.318.737.557	220,40
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	49.033.266.153	112.553.042.228	63.519.776.075	229,54
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	21		19.339.113.278	38.138.074.760	18.798.961.482	197,21
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	40.052.912.557	4.116.099.097	(35.936.813.460)	10,28
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	(8.988.953)	2.373.256.824	2.382.245.777	
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25		-		-	
9	Chi phí bán hàng	26		1.279.357.594	1.921.504.804	642.147.210	150,19
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		18.333.686.824	10.519.756.206	(7.813.930.618)	57,38
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - ( 24 + 25 ) }	31		39.787.970.370	27.439.656.023	(12.348.314.347)	68,96
12	Thu nhập khác	32		10.788.223.485	53.993.687.721	43.205.464.236	500,49
13	Chi phí khác	40		5.583.740.930	8.491.150.580	2.907.409.650	152,07
14	Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	50		5.204.482.555	45.502.537.141	40.298.054.586	874,30
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		44.992.452.925	72.942.193.164	27.949.740.239	162,12
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	6.037.246.860	10.671.120.815	4.633.873.955	176,75
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	(3.705.343.762)	(3.705.343.762)	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		38.955.206.065	65.976.416.111	27.021.210.046	169,36
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

## Giải Trình:

Trong Quý II/2023: Sản lượng tiêu thụ là: 1.123,02 tấn; Giá bán bình quân: 34.261.945 VND/tấn.

Trong Quý II/2024: Sản lượng tiêu thụ là: 1.423,035 tấn; Giá bán bình quân: 42.789.461 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý II/2024 cao hơn quý II/2023. Và giá bán bình quân cao hơn quý II/2023.

(giá bán bình quân quý II/2024 tăng: 8.527.516 VND/tấn hay tăng: 24,89 % so với quý II/2023).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý II/2024 giảm: 12.348.314.347 VND hay giảm 31,04% so với quý II/2023. Do doanh thu tài chính giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

+ Lợi nhuận khác quý II/2024 tăng : 40.298.054.586 VND so với quý II/2023.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý II/2024 tăng: 27.021.210.046 VND hay tăng : 69,36% so với quý II/2023

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu ( b)



HỒ Cường